

Số: 61/2026/QĐST - DS

Ninh Bình, ngày 25 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 357, khoản 2 Điều 468, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 15 tháng 5 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thụ lý số 58/2026/TLST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Đặng Quốc B**, sinh ngày 08-3-1983; số căn cước công dân: 036083013457; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: **Tổ dân phố L, phường T, tỉnh Ninh Bình**.

- Bị đơn:

Anh **Trần Thanh T**, sinh ngày 30-11-1991; số căn cước công dân: 036091012321; trú tại: **Tổ dân phố L, phường T, tỉnh Ninh Bình**.

Chị **Đỗ Thị P**, sinh ngày 01-01-1997; số căn cước công dân: 034197005205; trú tại: **Tổ dân phố L, phường T, tỉnh Ninh Bình**.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ vay nợ:

Anh **Đặng Quốc B** và anh **Trần Thanh T**, chị **Đỗ Thị P** xác nhận hiện nay anh **Trần Thanh T** và chị **Đỗ Thị P** còn nợ anh **Đặng Quốc B** hai khoản vay theo các hợp đồng vay nợ sau:

- Khoản vay 400.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ghi ngày 05-12-2021.
- Khoản vay 500.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ghi ngày 20-4-2023.

Tính đến thời điểm ngày 15-5-2026, khoản nợ theo giấy vay ngày 05-12-2021, anh **Trần Thanh T** và chị **Đỗ Thị P** đã trả anh **Đặng Quốc B** số tiền là: 53.000.000 đồng còn nợ 347.000.000 đồng; khoản nợ theo giấy vay nợ ghi ngày 20-4-2023 anh **Trần Thanh T** đã trả 130.000.000 đồng còn nợ 370.000.000 đồng.

Tổng số tiền anh **Trần Thanh T** và chị **Đỗ Thị P** phải trả cho anh **Đặng Quốc B** là: 717.000.000 đồng (*Bảy trăm mười bảy triệu đồng*).

2. Về phương án trả nợ:

- Kể từ tháng 6/2026, hàng tháng anh **Trần Thanh T** và chị **Đỗ Thị P** có trách nhiệm trả anh **Đặng Quốc B** số tiền nợ gốc là 5.000.000 đồng/tháng (*năm triệu đồng/một tháng*) vào ngày 20 dương lịch hàng tháng (kỳ trả tiền gốc lần đầu tiên mà anh **Trần Thanh T** và chị **Đỗ Thị P** phải trả sẽ được xác định là ngày 20-6-2026).

- Ngày 30-10-2026 dương lịch, anh **Trần Thanh T** và chị **Đỗ Thị P** có trách nhiệm trả cho anh **Đặng Quốc B** số tiền nợ gốc là: 100.000.000 đồng trong một lần trả nợ (khoản tiền trả nợ gốc này tính riêng, không tính cộng dồn các khoản tiền trả nợ gốc bắt đầu từ tháng 6/2026).

- Sau khi trả xong khoản tiền 100.000.000 đồng vào ngày 30-10-2026, hàng tháng anh **Trần Thanh T** và chị **Đỗ Thị P** tiếp tục có nghĩa vụ trả cho anh **Đặng Quốc B** số tiền nợ gốc là 5.000.000 đồng/tháng (*năm triệu đồng/một tháng*) vào ngày 20 dương lịch của tháng, bắt đầu kể từ tháng 11/2026 cho đến khi trả xong toàn bộ số tiền nợ gốc. Kỳ trả nợ tiếp theo sẽ bắt đầu vào ngày 20-11-2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ gốc.

- Trường hợp nếu anh **Trần Thanh T** và chị **Đỗ Thị P** vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc của bất kỳ một kỳ thanh toán nào đã được thỏa thuận như trên thì anh **Trần Thanh T** và chị **Đỗ Thị P** phải trả ngay cho anh **Đặng Quốc B** toàn B2 số tiền nợ gốc chưa thanh toán.

3. Về phương thức trả nợ:

- Phương thức trả nợ thông qua hình thức chuyển khoản tới số tài khoản mở tại **Ngân hàng thương mại cổ phần T1 (T2)** của anh **Đặng Quốc B**, số tài khoản: 04189912901. Trường hợp anh **Đặng Quốc B** thông báo thay đổi số tài khoản nhận tiền thì kể từ kỳ trả nợ tiếp theo, anh **Trần Thanh T** và chị **Đỗ Thị P** có nghĩa vụ

thanh toán nợ bằng hình thức chuyển khoản tới số tài khoản mà anh **Đặng Quốc B** chỉ định.

4. Về yêu cầu trả lãi nếu chậm thi hành án:

Kể từ ngày anh **Đặng Quốc B** có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh **Trần Thanh T** và chị **Đỗ Thị P** còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tiền lãi chậm trả cũng được thanh toán vào tài khoản nhận tiền trả nợ gốc của anh **Đặng Quốc B** theo thỏa thuận tại mục “3. Về phương thức trả nợ” của Quyết định này.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh **Trần Thanh T** và chị **Đỗ Thị P** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 16.340.000 đồng (*Mười sáu triệu ba trăm bốn mươi triệu đồng*).

Trả lại cho anh **Đặng Quốc B** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.390.000 đồng (*Mười sáu triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng*) tại biên lai số 3152 ngày 21-4-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKS nhân dân tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 7 – Ninh Bình;
- Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Tổng Thị Kim Phụng